| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠCH THÀNH**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 127/2020/QĐST-HNGĐ | *Thạch Thành, ngày 20 tháng 10 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Nguyễn Tôn N, sinh năm: 1985

Và chị Vũ Thị Q, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tôn N và chị Vũ Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 09/8/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài, cuộc sống vợ, chồng không hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Anh N và chị Q đã sống ly thân từ năm 2013. Nay anh N và chị Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tôn H, sinh ngày 28/8/2005. Sau khi ly hôn, anh N và chị Q thỏa thuận giao cháu H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản: Anh Nguyễn Tôn N và chị Vũ Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Tôn N và chị Vũ Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tôn N và chị Vũ Thị Q thỏa thuận, anh N là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tôn N và chị Vũ Thị Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh N và chị Q thống nhất, thỏa thuận giao cháu Nguyễn Tôn H, sinh ngày 28/8/2005 cho anh Nguyễn Tôn N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Vũ Thị Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi anh Nguyễn Tôn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, chị Vũ Thị Q còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tôn N và chị Vũ Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Tôn Ng và chị Vũ Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tôn N chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2018/0002881 ngày 01/10/2020. Anh Nguyễn Tôn Ng đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Cúc**